

Kính gửi: Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo; Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Công văn số 3676/BGDĐT-GDMN ngày 26/8/2021 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với GDMN, Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với cấp học mầm non của tỉnh như sau:

### **I. Phương hướng chung**

Củng cố, duy trì, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội các địa bàn trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; tăng cường đầu tư có hiệu quả các nguồn lực bảo đảm các điều kiện tối thiểu tổ chức hoạt động GDMN; chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu Chương trình GDMN trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác diễn biến phức tạp trên địa bàn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường nền nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm và chất lượng, hiệu quả trong các cơ sở GDMN, bảo đảm quy chế thực hiện công khai theo quy định; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN, phát triển GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi; khắc phục dần tình trạng thiếu giáo viên, nâng cao số lượng, chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình GDMN, triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN.

Thực hiện Chủ đề năm học 2021-2022 cấp học mầm non là: “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện” (theo hướng dẫn ở phụ lục 1).

### **II. Các nhiệm vụ cụ thể**

#### **1. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em trong bối cảnh Covid-19 và các dịch bệnh lây nhiễm khác diễn biến phức tạp trên địa bàn Tỉnh**

1.1. Các cơ sở GDMN thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo của các cấp quản lý, chủ động phối hợp chặt chẽ với ngành y tế địa phương trong việc thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn, bảo

đảm các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị phòng, chống dịch bệnh; phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ cha mẹ/người chăm sóc trẻ (sau đây gọi là phụ huynh) đảm bảo an toàn trong thời gian trẻ ở nhà tránh dịch; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Thông tư 13<sup>1</sup> về y tế trường học; tăng cường các biện pháp quản lý, chỉ đạo nâng cao nhận thức, tư tưởng, hành động cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đề cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm vừa thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong các cơ sở GDMN, vừa phòng chống dịch hiệu quả.

1.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các cơ sở GDMN trong việc thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường theo quy định tại Nghị định số 80/2017/NĐ-CP<sup>2</sup>; bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất và tinh thần, đưa nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ” vào nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của cơ sở GDMN. Chú trọng công tác tự kiểm tra và kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn trong các cơ sở GDMN, kịp thời phát hiện và có biện pháp khắc phục các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ; thực hiện nghiêm bộ quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT<sup>3</sup>; thực hiện tốt công tác quản lý trong tất cả các hoạt động của trẻ tại cơ sở GDMN.

1.3. Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN trong bối cảnh dịch Covid-19 và các dịch bệnh lây nhiễm khác diễn biến phức tạp trên địa bàn theo các công văn hướng dẫn của các cấp đã ban hành (*chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19, bệnh bạch hầu, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ... trong các cơ sở GDMN*). Đối với các cơ sở GDMN có tổ chức ăn bán trú cho trẻ (kể cả trẻ mang cơm đến lớp ăn trưa) nghiêm túc thực hiện các yêu cầu quy định về an toàn thực phẩm theo Công văn số 5029/BGDĐT-GDTC<sup>4</sup>, khuyến khích sự tham gia của phụ huynh trẻ và cộng đồng trong việc giám sát quy trình tổ chức ăn và chất lượng bữa ăn của trẻ tại cơ sở GDMN; quan tâm giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra của ngành và liên ngành, xử lý nghiêm theo thẩm quyền, đúng pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ.

1.4. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV, NV trong công tác tổ chức bữa ăn cho trẻ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống đuối nước; giáo dục an toàn giao thông, lồng ghép linh hoạt, phù hợp các nội dung giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng, chống các bệnh truyền nhiễm (Covid-19, bạch hầu, tiêu chảy,...) vào kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường, của nhóm/lớp, chủ động phối hợp với phụ huynh trẻ để thực hiện bảo đảm an toàn cho trẻ em khi đến trường và ở mọi lúc, mọi nơi.

<sup>1</sup> Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGD ngày 12/5/2016 Quy định về công tác Y tế trường học;

<sup>2</sup> Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường;

<sup>3</sup> Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN, GDPT, cơ sở GDTX;

<sup>4</sup> Công văn số 5029/BGDĐT-GDTC ngày 23/11/2020 về tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.

## 2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

2.1. Kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền để thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN, các nội dung chính sách phát triển GDMN đã được Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Quyết định 1677/NĐ-CP<sup>5</sup>; Nghị định 105/2020/NĐ-CP<sup>6</sup>; Nghị định 24/2021/NĐ-CP<sup>7</sup>; Nghị định 71/2020/NĐ-CP<sup>8</sup>; Nghị định 77/2021/NĐ-CP<sup>9</sup>,... Xây dựng và phân đầu thực hiện tốt các chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao huy động trẻ mẫu giáo ra lớp tại Quyết định số 702/QĐ-UB<sup>10</sup>, tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền đưa chỉ tiêu huy động trẻ mẫu giáo ra lớp vào chương trình công tác năm 2022, giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn giai đoạn tiếp theo bảo đảm phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa bàn. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, hiệu lực các văn bản của Sở GDĐT đã ban hành hướng dẫn thực hiện các Thông tư: Thông tư 50<sup>11</sup>, Thông tư 51<sup>12</sup>, Thông tư 52<sup>13</sup>, Thông tư 47<sup>14</sup> của Bộ GDĐT.

2.2. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình; nâng cao chất lượng công tác quản trị cơ sở GDMN; tăng cường đổi mới hình thức tổ chức, nội dung, phương pháp sinh hoạt chuyên môn ở trường, cụm trường, cụm huyện, thị xã, thành phố; không phát sinh thêm hệ thống hồ sơ sổ sách so với quy định. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nội dung Điều lệ trường mầm non. Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và thực hiện quy chế công khai theo quy định Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT<sup>15</sup>. Thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, tài sản trong các cơ sở GDMN, tăng cường kiểm tra, giám sát công tác thu, chi của cơ sở GDMN, đặc biệt quán triệt các khoản thu đầu năm học; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý tài chính, nhằm chấn chỉnh tình trạng lạm thu, thu sai quy định trong các cơ sở GDMN.

2.3. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật đối với cơ sở GDMN; tăng cường kiểm tra hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ở các cơ sở mầm non tư thục, dân lập; đối với các điểm trường lẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tăng cường kiểm tra việc

<sup>5</sup> Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025;

<sup>6</sup> Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 Quy định chính sách phát triển GDMN;

<sup>7</sup> Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 Quy định việc quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở GDPT công lập;

<sup>8</sup> Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo của GVMN, tiểu học, trung học cơ sở;

<sup>9</sup> Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 Quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;

<sup>10</sup> Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2021;

<sup>11</sup> Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Chương trình làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo;

<sup>12</sup> Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN;

<sup>13</sup> Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ Trường mầm non;

<sup>14</sup> Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN;

<sup>15</sup> Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

tổ chức huy động trẻ mầm non ra lớp, biên chế lớp và duy trì sĩ số nhằm tránh tình trạng có danh sách trẻ trên lớp nhưng không có trẻ đến trường; kiểm tra, xử lý nghiêm việc tập thể cá nhân vi phạm Chỉ thị số 2325/CT-BGDĐT<sup>16</sup>; việc lựa chọn, sử dụng đồ dùng dạy học, đồ chơi và học liệu của trẻ không đúng quy định,...Kiên quyết đình chỉ, xử lý theo pháp luật đối với các cơ sở GDMN tư thục không đảm bảo các điều kiện theo quy định; xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ban, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc quản lý GDMN, đặc biệt là GDMN ngoài công lập; tiếp tục xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm về quản lý các nhóm, lớp độc lập tư thục trên từng địa bàn huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

### **3. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất (CSVC); nâng cao chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

3.1. Tăng cường tham mưu bố trí quy hoạch quỹ đất để xây dựng trường, lớp mầm non phù hợp, lâu dài, đúng địa chỉ; giao chỉ tiêu huy động trẻ mầm non ra lớp cho từng xã, phường, thị trấn để bảo đảm tăng tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt ít nhất 90,5%, tăng cường các biện pháp để củng cố, duy trì và phát triển tỉ lệ trẻ dưới 3 tuổi ra lớp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tạo mọi điều kiện để phát triển các cơ sở GDMN dân lập, tư thục, quy hoạch và phát triển bền vững, giảm áp lực cho trường mầm non công lập.

3.2. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW, các văn bản của các bộ, ngành, của tỉnh về việc rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non, tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các phương án sắp xếp phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô phát triển; không sáp nhập các trường mầm non vào các trường phổ thông; không sáp nhập trường, điểm trường khi không đảm bảo các điều kiện về đội ngũ, CSVC; việc sáp nhập đảm bảo quyền lợi đến trường của trẻ; đảm bảo mỗi xã, phường có ít nhất một trường mầm non công lập. Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định về quy mô và các điều kiện của trường mầm non, các nhóm/lớp độc lập tư thục theo quy định của Nghị định 46/2017/NĐ-CP<sup>17</sup> và Điều lệ trường mầm non. Tổ chức rà soát các nhóm trẻ tự phát để khuyến khích, hướng dẫn lập hồ sơ thủ tục đề nghị cho phép hoạt động theo đúng Quy chế, chỉ đạo hướng dẫn các nhóm trẻ gia đình hiện đang cho phép hoạt động trên địa bàn nghiên cứu xây dựng, phát triển thành nhóm trẻ độc lập/nhà trẻ/nhóm, lớp mầm non độc lập, không tổ chức loại hình nhóm trẻ gia đình (các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN không có loại hình này).

3.3. Tiếp tục tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp ưu tiên đầu tư cho GDMN bằng các nguồn vốn từ các chương trình, dự án, ưu tiên kinh phí đầu tư cho cơ sở GDMN công lập ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên các nguồn lực về CSVC, nhân lực để đáp ứng yêu cầu duy trì và

<sup>16</sup> Chỉ thị số 2325/CT-BGDĐT ngày 28/6/2013 về việc chấn chỉnh tình trạng dạy học trước chương trình lớp 1;

<sup>17</sup> Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

nâng cao chất lượng phổ cập GDMN; tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành, rà soát thực trạng đồ chơi, học liệu tại các cơ sở GDMN để xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung. Ngoài tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu đã được quy định trong danh mục của Bộ GDĐT, các cơ sở GDMN cần tăng cường phối hợp làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ bảo đảm tính an toàn, bền vững, thẩm mỹ nhằm phục vụ hiệu quả đổi mới Chương trình GDMN.

3.4. Tăng cường chỉ đạo các cơ sở GDMN tự kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT<sup>18</sup>; chú trọng tham mưu, huy động các nguồn lực đầu tư cho các trường mầm non trong danh sách đăng ký đánh giá ngoài, đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2021, 2022 và giai đoạn 2021-2025 của đơn vị; chỉ đạo các trường mầm non đã được công nhận kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia lập danh mục các tiêu chuẩn có hiện tượng xuống cấp để được quan tâm đầu tư bảo đảm duy trì, phát triển kết quả và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia.

3.5. Thực hiện chính sách phát triển GDMN theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025. Tổ chức rà soát, thống kê các thiệt hại của các cơ sở GDMN trên địa bàn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, trong đó quan tâm đặc biệt đến các cơ sở GDMN ngoài công lập. Tham mưu cho chính quyền địa phương các cấp có giải pháp hỗ trợ khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động của đơn vị, hỗ trợ giáo viên, nhân viên bị ảnh hưởng, tránh tình trạng giáo viên, nhân viên ở các cơ sở GDMN ngoài công lập nghỉ việc, cơ sở GDMN ngoài công lập giải thể.

3.6. Tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng Thư viện thân thiện dựa vào cộng đồng trong các trường mầm non (gọi tắt là Thư viện), tổ chức hoạt động Thư viện bảo đảm đúng quy định, đầy đủ các nội dung theo tinh thần chỉ đạo của Sở GDĐT tại lớp tập huấn cấp tỉnh và theo Luật Thư viện; bổ sung các loại đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu phù hợp, an toàn bảo đảm phong phú, đa dạng cho các hoạt động thư viện; chú ý xây dựng Thư viện số, hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh và cộng đồng khai thác tài nguyên thông tin trên mạng, chỉ đạo tổ chức hoạt động Thư viện phù hợp trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19 ở từng cấp độ.

#### **4. Củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo ở những nơi đủ điều kiện**

4.1. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT về điều kiện, nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC). Triển khai cập nhật đầy đủ số liệu và chính xác, kịp thời gian theo phần mềm PCGD-XMC; rà soát, đối chiếu, so sánh số liệu trẻ em giữa báo cáo thống kê và báo cáo phổ cập

<sup>18</sup> Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

của từng xã/phường/thị trấn để đảm bảo tính chính xác. Cấp tài khoản và giao trách nhiệm cho các cơ sở để rà soát, chuẩn hóa dữ liệu tránh sai sót, chỉnh sửa nhiều lần. Rà soát kỹ số lượng trẻ em trong độ tuổi mầm non học trái tuyến (có hộ khẩu tại địa bàn nhưng không học tại địa bàn, xác định số trẻ đang học ngoài huyện, ngoài tỉnh và trẻ không đến trường để tính chính xác tỉ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp).

Tiếp tục kiện toàn ban chỉ đạo PCGD-XMC cấp xã, cấp huyện; tham mưu đầu tư xây dựng, cải tạo phòng học, bổ sung đồ dùng dạy học, đồ chơi, thiết bị tối thiểu cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi, ưu tiên bố trí giáo viên đủ theo quy định để duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; phối hợp chặt chẽ và thực hiện tốt việc điều tra phổ cập ở từng địa bàn cấp xã; tiếp tục duy trì công nhận đạt chuẩn PCGDMNTNT năm 2021 và những năm tiếp theo.

4.2. Các đơn vị có đủ điều kiện xây dựng kế hoạch triển khai công tác phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo theo Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020 của Bộ GDĐT. Tiến tới đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo trên toàn tỉnh vào năm 2030 theo Kế hoạch của Bộ GDĐT.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em và giáo viên theo quy định. Tổ chức rà soát trẻ em và giáo viên chịu ảnh hưởng chế độ chính sách bởi tác động của Quyết định số 861/QĐ-TTg<sup>19</sup> để có biện pháp truyền truyền và hướng dẫn nhằm ổn định tư tưởng, xác định trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ GDMN ở các cơ sở.

## **5. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

### **5.1. Quản lý chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em**

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế của từng địa phương. Tiếp tục duy trì và phát triển tỉ lệ trẻ học hai buổi/ngày và tỉ lệ trẻ được ăn bán trú tại trường. Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ tại trường/lớp bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm, cân đối, hợp lý về các chất dinh dưỡng, đa dạng thực phẩm và phù hợp với trẻ. Tuyệt đối không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong cơ sở GDMN.

Huy động các nguồn lực đầu tư CSVC, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ việc tổ chức bữa ăn bán trú và công trình vệ sinh, nước sạch, có biện pháp hỗ trợ nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em vùng khó khăn. Phối hợp với các ban, ngành đoàn thể ở địa phương vận động các nguồn lực xã hội để triển khai gói hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng và gói hỗ trợ đồ ấm cho trẻ em mầm non ở xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 - 2025.

<sup>19</sup> Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III,II,I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Tăng cường các hoạt động vệ sinh trong các cơ sở GDMN; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; bảo đảm 100% trẻ em đến trường được chăm sóc sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

Thực hiện đa dạng các hình thức tuyên truyền phù hợp đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng khoa học (cân đối, đủ chất, đủ lượng); phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất.

## 5.2. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

5.2.1. Thực hiện kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo yêu cầu của Chương trình GDMN trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác diễn biến phức tạp

Chỉ đạo các cơ sở GDMN xây dựng kịch bản áp dụng phù hợp với từng cấp độ phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo nội dung các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT đã ban hành để tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, đảm bảo mục tiêu, kết quả mong đợi quy định tại Chương trình GDMN; định hướng việc chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng tâm thế vào học lớp Một; chủ động phối hợp phụ huynh thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhà trong thời gian trẻ chưa đến trường để tránh dịch và khi đến trường trở lại.

*\* Trong thời gian trẻ em chưa đến trường để phòng chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh lây nhiễm khác (theo quy định của chính quyền các cấp):* Các cơ sở GDMN nghiêm túc triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của các cấp, các ngành liên quan, chủ động phối hợp với trạm y tế địa bàn để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh hiệu quả. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh thực hiện chế độ dinh dưỡng khoa học, hợp lý và tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi tại nhà; vận dụng hiệu quả, thiết thực các trang mạng đã được thiết lập kết nối giữa giáo viên với phụ huynh để chia sẻ, tư vấn việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở nhà; nắm bắt kịp thời cụ thể tình hình sức khỏe (thể chất, tinh thần) của trẻ trong thời gian ở nhà. Không tổ chức dạy học trực tuyến đối với trẻ mầm non, tiếp tục duy trì, phát triển các hoạt động kết nối với gia đình trẻ em bằng các kênh liên lạc phù hợp bối cảnh từng địa bàn và đáp ứng yêu cầu về nội dung cốt lõi giáo dục trẻ từng độ tuổi (các nội dung chia sẻ với phụ huynh được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt trước).

*\* Khi trẻ đến trường trở lại:* Các cơ sở GDMN điều chỉnh kế hoạch năm học, tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kịch bản phù hợp; chỉ đạo giáo viên nắm bắt tình hình khả năng của trẻ để điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp, chọn lọc nội dung giáo dục cần thiết, phù hợp với quỹ thời gian còn lại của năm học để bảo đảm giúp trẻ em đạt được mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo Chương trình GDMN; Đối với trẻ em 5 tuổi, trên cơ sở hướng dẫn của Sở GDĐT về chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ lên lớp Một, hướng dẫn giáo viên lựa chọn ưu tiên những nội dung cốt lõi, cần thiết, đối với trẻ 5 tuổi vùng đồng bào DTTS chú trọng các biện pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ giúp trẻ hoàn thành mục tiêu Chương

trình GDMN khi kết thúc năm học. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, cộng đồng trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non.

Chỉ đạo xây dựng, bổ sung kho tài liệu, học liệu dùng chung, các công cụ hỗ trợ (phần mềm tương tác, tài liệu trực tuyến, ngân hàng video, các bài tuyên truyền/ hoạt động giáo dục trẻ qua loa phát thanh của xã/phường, thôn xóm...) phù hợp với từng địa bàn để hỗ trợ các phụ huynh thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non.

### 5.2.2. Triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi

Tổ chức tập huấn cho 100% CBQL, GV bảo đảm đầy đủ các nội dung bồi dưỡng thường xuyên do Bộ GDĐT và Sở GDĐT đã triển khai (lựa chọn hình thức tổ chức tập huấn phù hợp với bối cảnh phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại địa bàn). Chỉ đạo GVMN áp dụng các nội dung bồi dưỡng vào thực tiễn nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ một cách linh hoạt, phù hợp, hiệu quả, thiết thực.

Hướng dẫn các cơ sở GDMN triển khai thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi theo Công văn số 968/SGDĐT-GDMN<sup>20</sup>; chỉ đạo, quản lý việc tổ chức làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo theo hướng dẫn tại Công văn số 734/SGDĐT-GDMN<sup>21</sup>; chỉ đạo triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch của Sở GDĐT số 1674/KH-SGDĐT<sup>22</sup>; tiếp tục xây dựng, bổ sung các điều kiện để thực hiện “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non” vùng dân tộc thiểu số; chỉ đạo xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung chủ đề trọng tâm năm học 2021-2022 theo hướng dẫn của Bộ tại phụ lục 1 đính kèm Công văn này.

Giao quyền chủ động cho cơ sở GDMN, giáo viên trong việc áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến; lựa chọn, bổ sung những nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với quan điểm, mục tiêu Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp bối cảnh địa phương để phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường; hướng dẫn và khuyến khích CBQL, GV tích cực khai thác, sử dụng tài liệu, học liệu trên mạng internet đúng quy định về các nội dung giáo dục trẻ, hiệu quả và thiết thực; đẩy mạnh ứng dụng các phương tiện, kỹ thuật, công nghệ để tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng tương tác với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi” nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non.

Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi và kết quả thực hiện các chuyên đề trọng tâm của GDMN trên cơ sở đó kịp thời xây dựng kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch năm học 2021-2022 cho phù hợp với đặc điểm tình hình và điều kiện thực tiễn của cơ sở GDMN.

<sup>20</sup>Công văn số 968/SGDĐT-GDMN ngày 19/5/2021 của Sở GDĐT về việc thực hiện sửa đổi, bổ sung một số nội dung của CT GDMN (TT 51);

<sup>21</sup>Công văn số 734/SGDĐT-GDMN ngày 26/4/2021 của Sở GDĐT về việc thực hiện Chương trình làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo;

<sup>22</sup>Số 1674/SGDĐT-GDMN ngày 02/8/2021 của Sở GDĐT về Kế hoạch thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025.



Tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm, đảm bảo giáo dục hòa nhập có chất lượng cho trẻ, thực hiện chế độ chính sách cho trẻ em và giáo viên dạy trẻ khuyết tật hòa nhập trong các cơ sở GDMN bảo đảm theo quy định hiện hành, thực hiện quy trình quản lý và xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân đối với trẻ khuyết tật học hòa nhập. Quan tâm đặc biệt đến trẻ em mầm non có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ suy dinh dưỡng....Thực hiện hiệu quả các hoạt động chuyển tiếp mầm non lên tiểu học, tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội cho trẻ; an toàn giao thông; các kỹ năng tự bảo vệ trước những nguy cơ mất an toàn cho trẻ giúp trẻ ứng phó kịp thời.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, bảo đảm đúng quy định, đúng mục đích và hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của cơ sở GDMN; đẩy mạnh các hoạt động được các cấp thẩm quyền cho phép hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển nguồn lực nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Tăng cường kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện công khai các hoạt động theo quy định.

## **6. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non**

6.1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW và Chỉ thị số 27-CT/TTg của Trung ương về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/05/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các nội dung và được đánh giá gắn liền với thực tiễn nhiệm vụ được giao của mỗi CB, GV, NV trong các cơ sở GDMN.

6.2. Tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá tổng hợp kết quả đạt được về trình độ đào tạo chuẩn của GVMN theo quy định tại Luật Giáo dục 2019, xây dựng kế hoạch đào tạo GVMN đạt chuẩn và nâng chuẩn theo lộ trình giai đoạn 2021-2025 (không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường trong năm học); 100% CBQL, GVMN được cập nhật đầy đủ các nội dung 1, nội dung 2 và chủ động thực hiện nội dung 3 trong Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở GDMN<sup>23</sup> và Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non<sup>24</sup>; tổ chức kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả việc thực hiện bồi dưỡng thường xuyên của CBQL, GVMN, đặc biệt lưu ý đến đội ngũ CBQL, GVMN ngoài công lập; đánh giá đội ngũ CBQL, GVMN theo quy định hiện hành.

6.3. Tích cực tham mưu các cấp thẩm quyền tiếp tục tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng huyện, thị xã, thành phố; tiếp tục rà soát số giáo viên thiếu theo định mức để đề xuất bổ sung bảo đảm đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và theo chủ trương của Chính phủ nêu

<sup>23</sup> Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT Ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở GDMN;

<sup>24</sup> Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT Ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non.

tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 với tinh thần là **“có học sinh phải có giáo viên đứng lớp”**. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVMN theo quy định hiện hành.

## **7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong GDMN; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành tại cơ sở GDMN phù hợp với bối cảnh địa bàn và bối cảnh phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn cho cốt cán cơ sở GDMN thực hiện chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành, khai thác, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời số liệu lên phần mềm và bảo đảm tính thống nhất các số liệu báo cáo trong cùng thời điểm, cấp tài khoản cho các cơ sở GDMN để truy cập dữ liệu kịp thời, giao trách nhiệm rà soát dữ liệu cho cán bộ phụ trách để chuẩn hóa dữ liệu theo Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành tại các cơ sở GDMN.

Tiếp tục chỉ đạo sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng thực hiện của giáo viên. Lựa chọn và triển khai các ứng dụng, các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường mầm non như: Lập kế hoạch, quản lý bán trú, thiết lập dinh dưỡng cho trẻ mầm non, quản lý đồ dùng, thiết bị, đồ chơi, quản lý nhân sự, ... của đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và bảo đảm tính liên thông trực tuyến từ cơ sở GDMN tới cấp phòng, cấp sở để đảm bảo chất lượng quản lý, giám sát.

Triển khai ứng dụng, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học, lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý.

Tăng cường ứng dụng phương thức trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn, dự giờ, tổ chức sinh hoạt chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GVMN.

## **8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non**

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, của bộ, ngành và của tỉnh về đổi mới và phát triển GDMN. Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thông tin, sử dụng hiệu quả các kênh tuyên truyền để truyền thông về GDMN, khai thác các nền tảng công nghệ truyền thông nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ CBQL, GV, NV trong toàn cấp học mầm non; bằng nhiều hình thức đẩy mạnh việc phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng hiệu quả phù hợp có sức lan tỏa sâu rộng; tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển GDMN.

## **9. Chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả công tác thống kê, báo cáo về GDMN**

9.1. Tổ chức quán triệt thực hiện báo cáo thống kê định kỳ về GDMN theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ GDĐT (tại

địa chỉ: csdl.moet.gov.vn); dữ liệu được cập nhật 02 kỳ/năm học (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định theo Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ GDĐT về chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục; chỉ đạo các cơ sở GDMN tổ chức rà soát, thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin hồ sơ về trường học, lớp học, trẻ mầm non, đội ngũ CBQL, GV, NV, CSVC, tài chính đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tuyệt đối tránh sai sót làm ảnh hưởng đến báo cáo của ngành về Bộ GDĐT), giao trách nhiệm chính cho cán bộ phụ trách thống kê, báo cáo của cơ sở GDMN và của Phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố (phụ lục 2 - Lịch nộp báo cáo và đề cương kèm theo).

9.2. Tiếp tục quan tâm triển khai hiệu quả hệ thống thông tin quản lý phổ PCGD-XMC theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT (địa chỉ truy cập: <http://pcgd.moet.gov.vn>); chú ý cập nhật đầy đủ các thông tin về trẻ em, đội ngũ, CSVC... trên hệ thống thông tin quản lý PCGD-XMC, chỉ đạo các cơ sở GDMN chủ động phối hợp cán bộ phụ trách PCGD-XMC của xã, phường, thị trấn để điều tra triệt để số trẻ trong độ tuổi mầm non, xác định đúng đối tượng phổ cập và theo dõi trẻ học trái tuyến để đảm bảo tính chính xác trong báo cáo của đơn vị tránh bỏ sót và chùng chéo. Báo cáo kết quả PCGD-XMC thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và gửi về Sở GDĐT (có gửi về Phòng Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học).

Sở GDĐT đề nghị lãnh đạo các phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDMN chủ động xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các nội dung hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm học 2021-2022 theo các nội dung hướng dẫn trên, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ năm học theo quy định. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học) để được hướng dẫn thêm./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website Sở;
- Lưu: VT, GDMNTH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Khoa Nghi**

**Phụ lục 1**  
**HƯỚNG DẪN**

**Thực hiện chủ đề năm học “*Xây dựng trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện*” trong cơ sở giáo dục mầm non**  
*(Kèm theo Công văn số 1970/SGDDĐT-GDMNTH ngày 01/9/2021 của Sở GDĐT)*

Thực hiện Chủ đề năm học “*Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện*”, các Phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) thực hiện các yêu cầu cụ thể sau đây:

1. Có kế hoạch thực hiện Chuyên đề “*Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025*”; kế hoạch năm học được lồng ghép, tích hợp các nội dung đảm bảo an toàn, thân thiện, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là ứng phó với dịch Covid-19; đảm bảo sự phân công trách nhiệm của các thành viên trong cơ sở GDMN và sự phối hợp với của gia đình và cộng đồng trong thực hiện kế hoạch.

2. Đáp ứng các tiêu chí về xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của Chuyên đề *Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025 (Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1674/KH-SGDĐT ngày 02/8/2021 của Sở GDĐT)*.

3. Đảm bảo độ che phủ cây xanh theo yêu cầu bằng cách trồng cây phù hợp, không độc hại; cây được cắt tỉa để đảm bảo an toàn, đặc biệt trước mùa mưa bão; có hệ thống phân loại rác thải theo quy định.

4. Chương trình giáo dục nhà trường có tích hợp nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, an toàn, kỹ năng phòng chống dịch bệnh do Covid-19, kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường.

5. Đảm bảo 100% đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu an toàn, thân thiện, đúng quy định và được kiểm tra, vệ sinh định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hiện tượng hư hỏng, xuống cấp; đảm bảo công trình vệ sinh, nước sạch và bố trí khu vực để trẻ rửa tay với xà phòng phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường sử dụng vật liệu tái chế, hạn chế sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần; tận dụng tối đa nguồn học liệu sẵn có tại địa phương.

6. Hành vi của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thân thiện, mẫu mực, là tấm gương để trẻ noi theo; không có hiện tượng mất an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ, cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại cơ sở GDMN.

**Phụ lục 2**  
**LỊCH NỘP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON**  
**NĂM HỌC 2021-2022**

*(Kèm theo Công văn số 1970/SGDDĐT-GDMNTH ngày 01/9/2021 của Sở GDĐT)*

| <b>T<br/>T</b> | <b>Kỳ<br/>báo<br/>cáo</b> | <b>Thời gian<br/>nộp</b> | <b>Báo cáo cần nộp</b>   | <b>Hình thức báo cáo</b>   |
|----------------|---------------------------|--------------------------|--|--|
| 1              | Báo cáo đầu năm học       | Trước ngày 10/10/2021    | <p>(1) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đầu năm học 2021-2022 <i>(theo đề cương gửi kèm)</i>.</p> <p>(2) Biểu thống kê giáo dục mầm non kỳ đầu năm học (EMIS); <i>(Các biểu - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa đảm bảo chính xác và thống nhất số liệu)</i>.</p>   | <p>Các đơn vị báo cáo về Sở GDĐT (Phòng Giáo dục mầm non và Giáo dục tiểu học) qua:</p> <p>(1) Hệ thống quản lý văn bản điều hành;</p> <p>(2) Bản mềm qua thư điện tử:</p> |
| 2              | Báo cáo tổng kết năm học  | Trước ngày 10/6/2022.    | <p>(1) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ GDMN năm học 2021-2022 <i>(theo các nhiệm vụ trọng tâm của GDMN năm học 2021-2022)</i>.</p> <p>(2) Biểu mẫu thống kê số liệu về Giáo dục Mầm non kỳ cuối năm học (EMIS): <i>(Các biểu - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa đảm bảo chính xác và thống nhất số liệu)</i>.</p> | <p><a href="mailto:phonggdmn.sogialai@moet.edu.vn">phonggdmn.sogialai@moet.edu.vn</a></p>  |

## I. BÁO CÁO ĐẦU NĂM

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đầu năm học 2021-2022**  
(Kèm theo Công văn số 1970/SGDDT-GDMNTH ngày 01/9/2021 của Sở GDĐT)

*Các đơn vị báo cáo theo cấu trúc và nội dung sau:*

### I. Tình hình đầu năm học (Phân tích thực trạng có minh chứng cụ thể)

1. Quán triệt các văn bản chỉ đạo về giáo dục mầm non, các cuộc vận động và các phong trào thi đua.
2. Phát triển mạng lưới trường, lớp, tăng tỷ lệ huy động trẻ (tỷ lệ trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo ra lớp).
3. Công tác phổ cập GDMNTNT
4. Chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.
5. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.
6. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên: Số lượng CBQL, GV; tỷ lệ giáo viên/lớp; công tác tuyển dụng GV mới; số GV còn thiếu.

*\*Lưu ý: Ghi rõ danh sách, địa chỉ, tên trường, nhóm/ lớp thiếu phòng học, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, thiếu giáo viên, ...*

7. Kết quả của việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý GDMN.
8. Công tác xã hội hóa giáo dục và hội nhập quốc tế.
9. Công tác truyền thông về GDMN.

### II. Những thuận lợi, khó khăn của đơn vị khi triển khai thực hiện

### III. Các giải pháp thực hiện

### IV. Kinh phí

*Đơn vị báo cáo cụ thể kết quả đầu tư về kinh phí để xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học mới 2021-2022.*

### V. Kiến nghị đề xuất với UBND huyện, Sở GDĐT

### VI. Thống kê số liệu báo cáo (có biểu mẫu đính kèm).

| TT | Tiêu chí                                 | Tổng số | Chia ra  |                  |
|----|--|---------|----------|------------------|
|    |  |         | Công lập | Dân lập, tư thực |
|    | <i>Dân số từ 3 tháng - 36 tháng tuổi</i> |         | X        | X                |
|    | <i>Dân số 3-5 tuổi</i>                   |         | X        | X                |
|    | <i>Dân số 5 tuổi</i>                     |         | X        | X                |
|    | <i>Số xã, phường, thị trấn</i>           |         | X        | X                |
|    | <i>Số xã, phường, thị trấn không có</i>  |         | X        | X                |

| TT          | Tiêu chí  | Tổng số | Chia ra  |                  |
|-------------|---|---------|----------|------------------|
|             |   |         | Công lập | Dân lập, tư thực |
|             | trường mầm non  |         |          |                  |
| <b>I-</b>   | <b>Thông tin về cơ sở GDMN</b>                              |         |          |                  |
| 1           | Trường mầm non (nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non)   |         |          |                  |
| 2           | Điểm trường lẻ (không thống kê điểm chính)                  |         |          |                  |
| 3           | Cơ sở độc lập (nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập) |         |          |                  |
| 4           | <i>Trong đó:</i> Cơ sở độc lập chưa được cấp phép           |         |          |                  |
| <b>II-</b>  | <b>Nhóm, lớp</b>  |         |          |                  |
| 1           | Số nhóm trẻ   |         |          |                  |
|             | <i>Trong đó:</i> Nhóm trẻ trong CSĐL                        |         |          |                  |
| 2           | Số lớp MG   |         |          |                  |
|             | <i>Trong đó:</i>  |         |          |                  |
|             | - Lớp MG trong CSĐL   |         |          |                  |
|             | - Lớp MG 5 tuổi   |         |          |                  |
|             | - Lớp MG 5 tuổi trong CSĐL                                  |         |          |                  |
| <b>III-</b> | <b>Trẻ em mầm non</b>                                       |         |          |                  |
| 1           | Trẻ nhà trẻ   |         |          |                  |
|             | <i>Trong đó:</i> Trẻ NT trong CSĐL                          |         |          |                  |
| 2           | Trẻ mẫu giáo  |         |          |                  |
|             | <i>Trong đó:</i>  |         |          |                  |
|             | - Trẻ MG trong CSĐL   |         |          |                  |
|             | - Trẻ MG 5 tuổi   |         |          |                  |
|             | - Trẻ MG 5 tuổi trong CSĐL                                  |         |          |                  |
| <b>IV-</b>  | <b>Đội ngũ</b>  |         |          |                  |
| 1           | CBQL  |         |          |                  |
| 2           | Giáo viên   |         |          |                  |
|             | Trong đó: + Biên chế  |         |          |                  |
|             | + Hợp đồng theo NQ 102/NQ-CP                                |         |          |                  |
|             | + Hợp đồng khác   |         |          |                  |
|             | + Đạt chuẩn trở lên   |         |          |                  |
|             | + Trên chuẩn  |         |          |                  |
|             | + Giáo viên thiếu   |         |          |                  |
| 3           | Nhân viên   |         |          |                  |
|             | - Theo TT 06 (VT, YT, KT, TQ)                               |         |          |                  |
|             | - Bảo vệ  |         |          |                  |
|             | - Nấu ăn  |         |          |                  |

| TT        | Tiêu chí                              | Tổng số | Chia ra  |                  |
|-----------|---------------------------------------|---------|----------|------------------|
|           |                                       |         | Công lập | Dân lập, tư thực |
| <b>V-</b> | <b>Phòng học</b>                      |         |          |                  |
|           | Tổng số phòng học                     |         |          |                  |
|           | Chia ra: + Kiên cố                    |         |          |                  |
|           | + Bán Kiên cố                         |         |          |                  |
|           | + Tạm                                 |         |          |                  |
|           | + Nhờ/mượn                            |         |          |                  |
|           | <i>Trong đó: Số phòng học xây mới</i> |         |          |                  |

**\* Lưu ý:**

*Đơn vị nộp kèm biểu thống kê Emis đầu năm học (trích xuất trên cơ sở dữ liệu ngành, đã kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). Cách thức thống kê theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.*

*Riêng nhóm/lớp ĐLTT chưa được cấp phép đề nghị không thống kê số lượng trẻ, đội ngũ, CSVC.*

*Đối với cơ sở ĐLTT (đã được cấp phép): Thống kê đầy đủ các mục.*

## II. BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2021-2022

### I. Kết quả đạt được

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ GDMN năm học 2021-2022 (theo các nhiệm vụ trọng tâm của GDMN năm học 2021-2022) để đánh giá những mặt đã thực hiện tốt, chưa thực hiện được hoặc đã thực hiện ở mức độ nào; so sánh với chỉ tiêu của năm học đề ra và cùng kỳ năm học trước.

### II. Đánh giá chung

1. Đánh giá tóm tắt những điểm nổi bật so với chỉ tiêu đề ra và so với cùng kỳ năm học trước.

2. Những khó khăn, hạn chế.

### III. Kiến nghị, đề xuất với Sở GDĐT

**IV. Thống kê số liệu** (Biểu mẫu thống kê số liệu về Giáo dục Mầm non kỳ cuối năm học. Các biểu được trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa đảm bảo chính xác và thống nhất số liệu).